

Bản án số: **49** /2017/ HNGĐ-ST

Ngày 08/08/2017

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Đô, ông Phạm Đình Thìn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Ngô Thị Thủy - Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/08/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2017/HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99A/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/06/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 64/2017/QĐ-HNGĐ ngày 18/07/2017, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Đ, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang.(Có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Đức B, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Đoàn Thị Đ trình bày: Bà và ông Trần Đức B có đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/1994 tại UBND xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi cưới vợ chồng có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống cùng với bố mẹ ông Bích tại Hữu Lũng. Sau đó thì vợ chồng về Bắc Giang sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào năm 1996, mâu thuẫn trầm trọng vào năm 2010. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, ông B thường xuyên uống rượu, mỗi lần ông rượu ông B lại về đánh đập vợ con, bà nhiều lần bị ông B đánh có lần phải đi bệnh viện, tài sản trong gia đình có gì bán được ông B đều mang đi bán để lấy tiền uống rượu, hiện nay ông B và bà vẫn sống cùng nhà nhưng ông B đi làm cả ngày có khi mấy ngày mới về nhà. Hiện nay

bà không còn tình cảm giành cho ông B. Bà đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Trần Đức B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Thị B, sinh ngày 03/02/2006.

Hiện nay con đang ở với bà. Vợ chồng ly hôn bà đề nghị Tòa án giao con cho bà tiếp tục nuôi con chung theo nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là ông Trần Đức B: Sau khi Tòa án thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành giao, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông B, nhưng ông B không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án cháu Trần Thị B có ý kiến: Cháu không có ý kiến về việc bố mẹ cháu ly hôn, nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 18/07/2017 ông B, bà Đ vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời hạn xét xử vào ngày 08/08/2017.

Tại phiên tòa hôm nay bà Đoàn Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày thêm, bà và ông Đ đã ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Đức B vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà Đ: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Đoàn Thị Đ được ly hôn ông Trần Đức B.

Về con chung: Giao cho bà Đoàn Thị Đ nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Trần Thị B, sinh ngày 03/02/ 2006.

Về án phí: Bà Đông chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

Đơn khởi kiện của bà Đoàn Thị Đ cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Lạng Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn ông Trần Đức B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Đ và ông Trần Đức B đã đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/1994 tại UBND xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Đông và ông Bích là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của bà Đ về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của 02 vợ chồng, phù hợp với biên bản xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông B, tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện bà Đ và ông B thường xuyên xảy ra xô xát, đánh cãi chửi nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần cho bà Đ được ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng bà Đ và ông B có 01 con chung Trần Thị B, sinh ngày 03/02/ 2006. Hiện cháu đã trên 07 tuổi và đang sống cùng với bà Đg, trong

quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với cháu B thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu nếu bố mẹ cháu ly hôn, bà Đ có nguyện vọng được nuôi cháu B, theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình có quy định: Nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, để cháu có môi sinh sống lành mạnh, ổn định cần giao cho bà Đoàn Thị Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thị B là phù hợp.

Ông B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở ông B thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con bà Đ không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Đ và ông B đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Đoàn Thị Đ được ly hôn ông Trần Đức B
2. Về con chung: Giao cho bà Đoàn Thị Đ nuôi dưỡng con chung là Trần Thị B, sinh ngày 03/02/ 2006.

Sau khi ly hôn ông B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở ông B thực hiện quyền này.

3. Án phí: Bà Đoàn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0002238 ngày 27/03/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận bà Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đ có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã Xương Lâm;
- UBND xã Minh Sơn; hữu Lũng; Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã Xương Lâm;
- UBND xã Minh Sơn; hữu Lũng; Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã Quang Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà